TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **205**/2024/DS-ST
Ngày: 22/8/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Cao Thị Tuyết Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2023/TLST-DS ngày 22/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 669/2024/QĐXXST- DS ngày 05/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 752/2024/QĐST-DS ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức danh: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D1; Giấy ủy quyền số 27-10/GUQ-CNQ7 ngày 24/10/2023

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Văn C, sinh năm: 1989
Địa chỉ: A Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có ông Nguyễn Văn D1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/11/2020, khách hàng Văn C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Văn C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Văn C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 691.792.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay Ông Văn C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 663.616.500 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Văn C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Văn C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 19/5/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 05/10/2023, Ông Văn C1 còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 36.793.846 đồng
- Lãi quá hạn: 5.570.642 đồng
- Tổng cộng: 42.364.488 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)

Yêu cầu giải quyết:

1. Buộc Ông Văn C1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/10/2023 là 42.364.488 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)

Nợ gốc: 36.793.846 đồng

Lãi quá hạn: 5.570.642 đồng

2. Và Ông Văn C1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/10/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là ông Văn C1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Ông C1 cũng không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên không thể thu thập ý kiến của ông C1. Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận D thì "Đ/s ông Văn C1, sinh năm: 1989 có HKTT: 149 Đ, Phường A, Quận D. Hiện không còn cư ngụ tại địa phương từ năm 2011 đến nay đi đâu không rõ."

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Văn C1 thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này sau đây viết tắt là Hợp đồng), nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng; ông Văn C1 có hộ khẩu thường trú tại Quận D. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hình thức của hợp đồng:

Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 09/11/2020, ông Văn C1 có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông C1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tín dụng với hạn mức sử dụng là 30,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy Hợp đồng có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

[2.2] Về quá trình thực hiện Hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Văn C1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Tạm tính đến ngày 05/10/2023, ông Văn C1 còn nợ Ngân hàng với số tiền: 42.364.488 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi

hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng), trong đó:

Nợ gốc: 36.793.846 đồng

Lãi quá hạn: 5.570.642 đồng

Do đó, ngày 19/5/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 27/10/2023, Ngân hàng đã khởi kiện để yêu cầu ông C1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi là đúng theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 22 và Điều 24 của bản Điều khoản, điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

[2.3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, nợ lãi quá hạn:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu có trong hồ sơ như: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, bảng tóm tắt sao kê, đủ cơ sở xác định ông C1 còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 05/10/2023 với số tiền: 42.364.488 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng), trong đó:

Nợ gốc: 36.793.846 đồng

Lãi quá hạn: 5.570.642 đồng

Căn cứ vào Điều 18, Điều 19, Điều 22 và Điều 24 của bản Điều khoản, điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng có quyền yêu cầu chủ thẻ thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản dư nợ thẻ. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm như trên là có cơ sở chấp nhận

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu kể từ ngày 06/10/2023 ông Văn C1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và thỏa thuận giữa các bên nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do ông Văn C1 có nghĩa vụ trả tiền nên ông C1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả. H lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Văn C1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/10/2023 là 42.364.488 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng), trong đó:

Nợ gốc: 36.793.846 đồng

Lãi quá hạn: 5.570.642 đồng

Kể từ ngày 06/10/2023 ông Văn C1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Văn C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.118.224 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.000 (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai số AA/2023/0042728 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Nguyệt **Cao Thị Tuyết** **Đỗ Thị Bích Phượng Mai**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- VKSND TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đỗ Thị Bích Phượng